

Số: 03/2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 02 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v bãi bỏ, bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách áp dụng  
trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2013/NQ-HĐND ngày 27/12/2013 của HĐND Thành phố Hà Tĩnh về bãi bỏ, bổ sung, điều chỉnh cơ chế hỗ trợ đầu tư đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 14/3/2013 của UBND Tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015 ban hành kèm theo Quyết định 24/2011/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 của UBND Tỉnh;

Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 27/8/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 06/02/2011 ban hành cơ chế hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất giai đoạn 2011-2013; Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 06/02/2012; Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 về bổ sung, thay thế một số nội dung của Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 06/02/2012 và Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 08/02/2013 của UBND thành phố Hà Tĩnh về việc bãi bỏ, điều chỉnh, bổ sung, điều chỉnh một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và thực hiện chính sách an sinh xã hội từ ngân sách Thành phố; Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng đường giao thông để đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại xã Thạch Hạ và Quyết định 1352/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 của UBND thành phố về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng đường giao thông để đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại xã Thạch Bình;

Xét đề nghị của Trưởng các phòng: Tài chính- Kế hoạch, Quản lý đô thị, Kinh tế và báo cáo thẩm định của phòng Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ một số cơ chế, chính sách sau:

1. Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất CN-TTCN tại KTTTCN Thạch Đồng tại Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của UBND thành phố;



2. Cơ chế hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi lợn thịt tập trung có mặt thường xuyên 300 con trở lên tại Quyết định 01/2013/QĐ-UBND ngày 08/02/2013 của UBND thành phố;

3. Cơ chế hỗ trợ xây dựng đường giao thông để đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Thạch Hạ tại Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 và Cơ chế hỗ trợ xây dựng đường giao thông để đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Thạch Bình tại Quyết định 1352/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 của UBND thành phố.

**Điều 2.** Điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế, chính sách hỗ trợ sau:

1. Về hỗ trợ cho sản xuất:

1.1. Hỗ trợ các cá nhân, tổ chức sản xuất Năm: Ngoài chính sách theo quy định hiện hành của Tỉnh, Thành phố thực hiện cơ chế hỗ trợ đó là:

a. Quy mô áp dụng:

- Từ  $100\text{m}^2 \div 200\text{m}^2$  lán trại tập trung tương đương 2.500 đến 5.000 bịch năm/lúa;

- Trên  $200\text{m}^2$  lán trại tập trung tương đương 5.000 bịch năm/lúa trở lên.

b. Hỗ trợ về giống (Hỗ trợ 01 lần):

- Từ  $100\text{m}^2 \div 200\text{m}^2$  lán trại tập trung: Hỗ trợ 100% tiền mua giống tương ứng 20% tiền bịch giống (đối với giống nắm đóng bịch) hoặc 30 kg giống/ $100\text{m}^2$  (đối với giống nắm không đóng bịch);

- Trên  $200\text{m}^2$  lán trại tập trung tương đương 5.000 bịch năm/lúa trở lên: Hỗ trợ 10% tiền bịch giống (đối với giống nắm đóng bịch);

c. Hỗ trợ về lán trại (Hỗ trợ 01 lần):

- Từ  $100\text{m}^2 \div 200\text{m}^2$  lán trại tập trung: Hỗ trợ 30% chi phí làm lán trại tương ứng 52.500đồng/ $01\text{m}^2$  diện tích lán trại cố định, mức tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ;

- Trên  $200\text{m}^2$  lán trại tập trung: Hỗ trợ 10% chi phí làm lán trại tương ứng 17.500 đồng/ $01\text{m}^2$  diện tích lán trại cố định, mức tối đa không quá 5 triệu đồng/hộ.

*(quy cách lán trại sản xuất năm do Tỉnh ban hành)*

1.2. Điều chỉnh hỗ trợ xây dựng cánh đồng mẫu:

- Quy mô áp dụng cho các vùng sản xuất hàng hóa phù hợp quy hoạch được phê duyệt với:

+ Lúa có diện tích tối thiểu 10ha;

+ Lạc có diện tích tối thiểu 05 ha;

+ Rau có diện tích tối thiểu 01 ha.

- Cơ chế hỗ trợ về giống và ni lông bắc mạ xuân:

+ Cánh đồng Lúa: Hỗ trợ 100% tiền mua giống năm thứ nhất và 50% tiền mua giống năm thứ hai; 100% tiền mua ni lông che phủ mạ xuân;

+ Cánh đồng Lạc: Hỗ trợ 30% tiền mua giống năm thứ nhất và 20% tiền mua giống năm thứ hai;

+ Cánh đồng rau: Hỗ trợ 100% tiền mua giống năm thứ nhất (chỉ hỗ trợ cho các loại rau sinh trưởng trên 01 tháng); mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/ha.



1.3. Điều chỉnh hỗ trợ mô hình nuôi gà siêu trứng cho các hộ gia đình, HTX (hỗ trợ một lần cho năm đầu sản xuất):

- Quy mô áp dụng:

+ Cơ sở chăn nuôi có từ 500 đến 1.000 con gà đẻ;

+ Cơ sở chăn nuôi có trên 1.000 con gà đẻ ;

- Điều kiện: Đảm bảo vệ sinh môi trường; phòng, chống dịch bệnh đúng theo quy định;

- Hỗ trợ về giống (Hỗ trợ 01 lần):

+ Hỗ trợ 100% giá giống nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ đối với cơ sở chăn nuôi có từ 500 đến 1.000 con gà đẻ;

+ Hỗ trợ 100% giá giống nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/hộ đối với cơ sở chăn nuôi có trên 1.000 con gà đẻ.

1.4. Bổ sung cơ chế nuôi lợn nái tại các hộ gia đình:

- Quy mô để hỗ trợ: Nuôi từ 05 lợn nái ngoại sinh sản trở lên.

- Hỗ trợ về giống (hỗ trợ 01 lần khi lợn đã sinh sản): Hỗ trợ 50% giá giống nhưng tối đa 25 triệu đồng/ hộ và tối đa 03 triệu đồng/lợn sinh sản;

1.5. Bổ sung cơ chế tiêm vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm: Hỗ trợ 50% vắc xin tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm hằng năm trên địa bàn.

2. Hỗ trợ phát triển thương mại, dịch vụ, phát triển TT công nghiệp:

2.1. Sửa đổi, bổ sung cơ chế hỗ trợ đầu tư hạ tầng phát triển các chợ trên địa bàn:

- Quy mô hỗ trợ: Mặt bằng để xây dựng các chợ tối thiểu 3.000 m<sup>2</sup> theo quy hoạch được phê duyệt;

- Cơ chế hỗ trợ: Ngoài cơ chế hỗ trợ tại Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 27/8/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thương mại nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, thành phố hỗ trợ phần chi phí giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, cấp điện, cấp nước đến ngoài hàng rào phần còn lại theo quyết toán được duyệt; Các hạng mục còn lại để khai thác mặt bằng tại chợ thực hiện đầu tư theo hình thức xã hội hóa, kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân (gọi chung là nhà đầu tư) có nhu cầu và khả năng đầu tư, khai thác chợ.

2.2. Hỗ trợ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ cá thể đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và nhãn hiệu dịch vụ: Hỗ trợ 1.000.000 đồng cho 1 nhãn hiệu được đăng ký.

2.3. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư, quảng bá sản phẩm, tìm kiếm thị trường: Hỗ trợ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ cá thể 50% chi phí thuê gian hàng tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh, mức hỗ trợ tối đa không quá 15 triệu đồng cho một lần hỗ trợ.

3. Về hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

3.1. Đường bê tông xi măng:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu: Mặt đường đổ BTXM đá 2x4, mác 250#;  $B_{nền} \geq 5m$ ;  $B_{mặt} \geq 3,5m$ ;  $d_{mặt} \geq 16cm$ ;  $d_{móng} \geq 12cm$ ;  $B_{lệ} \geq 0,75m$ .



- Hỗ trợ vật liệu: Hỗ trợ 100% vật liệu chính để xây dựng kết cấu móng, mặt đường gồm xi măng, cát, đá theo hồ sơ thiết kế - dự toán được phê duyệt từ nguồn ngân sách thành phố và cấp trên (nếu có) áp dụng cho phường và xã.

- Hỗ trợ nhân công và chi phí khác:

+ Các công trình thuộc phường: Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100 triệu đồng/1km; Phần còn lại huy động nhân dân đóng góp theo quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ Các công trình thuộc xã: Do ngân sách xã và huy động nhân dân đóng góp theo quy chế dân chủ ở cơ sở.

3.2. Kênh mương cứng:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu: Mương xây gạch đặc  $M \geq 100$ , đáy bê tông, giằng dọc và giằng ngang bê tông cốt thép theo thiết kế, dự toán được phê duyệt.

- Hỗ trợ vật liệu: Hỗ trợ 100% vật liệu chính cho kết cấu mương theo hồ sơ thiết kế-dự toán được phê duyệt gồm: xi măng, cát, đá, gạch, sắt thép từ nguồn ngân sách Thành phố và cấp trên (nếu có) cho cả phường và xã.

- Hỗ trợ nhân công và chi phí khác:

+ Các công trình thuộc phường: Ngân sách Thành phố hỗ trợ 150 triệu đồng/1km; Phần còn lại huy động nhân dân đóng góp theo quy chế dân chủ ở cơ sở;

+ Các công trình thuộc xã: Do ngân sách xã và huy động nhân dân đóng góp theo quy chế dân chủ ở cơ sở.

3.3. Nhà hội quán:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu: Nhà hội quán 4 gian và Nhà hội quán 5 gian theo thiết kế mẫu được phê duyệt (bao gồm nhà vệ sinh).

- Tổng mức đầu tư để tính hỗ trợ:

+ Nhà hội quán 4 gian: 870 triệu đồng;

+ Nhà hội quán 5 gian: 960 triệu đồng.

- Cơ chế hỗ trợ:

+ Các Hội quán thuộc phường: Ngân sách Thành phố hỗ trợ 80% giá trị quyết toán công trình hoàn thành; Phần còn lại huy động nhân dân đóng góp theo quy chế dân chủ ở cơ sở;

+ Các Hội quán thuộc xã: Ngân sách Thành phố hỗ trợ 60% giá trị quyết toán công trình hoàn thành; Phần còn lại do ngân sách xã và huy động nhân dân đóng góp theo quy chế dân chủ ở cơ sở.

*\* Khi Nhà nước thay đổi về các chính sách làm ảnh hưởng đến giá trị công trình thì Ngân sách thành phố hỗ trợ bổ sung phần kinh phí vượt tổng mức đầu tư.*

- Hỗ trợ các công trình phụ trợ gắn với hội quán (San nền bằng đất đồi độ lèn ép  $K=0,9$ ; Lát sân bằng gạch Blok; Hàng rào và cổng): Theo cơ chế hỗ trợ như hội quán nhưng tổng giá trị để tính hỗ trợ tối đa: 350 triệu đồng/01 hội quán; Chi phí giải phóng mặt bằng khi chuyển sang địa điểm mới (nếu có) do ngân sách thành phố (cân đối cho phường) và ngân sách xã cân đối cho xã.

3.4. Đường bê tông xi măng nội đồng:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu: Mặt đường đổ BTXM đá 2x4 M200;  $B_{nền} \geq 5m$ ;  $B_{mặt} \geq 3,0m$ ;  $d_{mặt} \geq 14cm$ .



- Hỗ trợ vật liệu: Hỗ trợ 100% vật liệu chính cho kết cấu đường theo hồ sơ thiết kế - dự toán được phê duyệt gồm: xi măng, cát, đá từ nguồn ngân sách Thành phố và cấp trên (nếu có) cho cả phường và xã.

- Hỗ trợ nhân công và chi phí khác:

+ Các công trình thuộc phường: Ngân sách Thành phố hỗ trợ 60 triệu đồng/1km; Phần còn lại huy động nhân dân đóng góp theo quy chế dân chủ ở cơ sở;

+ Các công trình thuộc xã: Do ngân sách xã và huy động nhân dân đóng góp theo quy chế dân chủ ở cơ sở.

3.5. Mương thoát bản khu dân cư:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu: Mương xây gạch, đáy bê tông, giằng tường và tấm đan bê tông cốt thép theo thiết kế (kích thước tối thiểu 0,4mx0,4m; tối đa 0,5mx0,6m):

- Phạm vi áp dụng: Địa bàn thuộc các phường và các xã: Thạch Hạ, Thạch Trung, Thạch Môn và Thạch Bình;

- Hỗ trợ vật liệu: Hỗ trợ 100% vật liệu chính cho kết cấu mương theo hồ sơ thiết kế gồm: xi măng, cát, đá, gạch, sắt thép từ nguồn ngân sách Thành phố cho cả phường và xã.

- Phần còn lại huy động nhân dân đóng góp theo quy chế dân chủ ở cơ sở.

3.6. Bổ sung hỗ trợ tiền xây dựng đường điện chiếu sáng (hỗ trợ 01 lần):

- Phạm vi áp dụng: Địa bàn thuộc các phường Trần Phú, Tân Giang và Nam Hà theo thiết kế được phê duyệt;

- Cơ chế hỗ trợ:

+ Ngân sách thành phố 50% và nhân dân hưởng lợi đóng góp 50% kinh phí xây dựng;

+ Tiền điện và sửa chữa trong quá trình sử dụng do nhân dân hưởng lợi tự đóng góp.

4. Về hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới:

4.1. Bổ sung về xây dựng giao thông các xã:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Theo tiêu chí nông thôn mới có chiều rộng  $B_n = 6,5m$ ;  $B_m = 3,5m$ ; đắp lề 2 bên 1,5m.

- Hỗ trợ giải phóng mặt bằng: Hỗ trợ 50% kinh phí bồi thường vật kiến trúc, cây cối trên đất từ Ngân sách thành phố, phần còn lại do ngân sách xã tự cân đối.

- Hỗ trợ xây dựng đường: Theo cơ chế xây dựng đường bê tông xi măng về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (theo mục 3.1).

5. Về hỗ trợ vệ sinh môi trường:

5.1. Bổ sung cơ chế về vệ sinh, môi trường tại các phường, xã:

- Quy mô hỗ trợ: Các tổ, đội (có từ 5 đến 10 người) thu gom rác thải.

- Cơ chế hỗ trợ:

+ Hỗ trợ 10 triệu đồng/năm để mua và sửa chữa phương tiện, xe gom rác;

+ Hỗ trợ từ 10 đến 20 triệu đồng/năm chi phí vận chuyên rác từ bãi tập kết tạm thời vào khu xử lý của thành phố.

- Nguồn hỗ trợ: Ngân sách thành phố.



**Điều 3.** Các cơ chế, chính sách tại các Quyết định của UBND thành phố trước đây hiện nay tiếp tục thực hiện trên địa bàn, cụ thể như sau:

*1. Về hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:*

1.1. Xây dựng tuyến ống cấp nước máy cấp 2: mức hỗ trợ 70% giá trị công trình đối với phường, 50% tổng giá trị công trình đối với xã. Tổng mức đầu tư để tính hỗ trợ không quá 310 triệu đồng/km.

1.2. Lát vỉa hè đường phố:

- Mức hỗ trợ chung: Ngân sách Thành phố hỗ trợ 50% giá trị xây lắp và phân chi phí kiến thiết cơ bản khác. Cụ thể:

+ Đối với các hộ dân mật phố đóng góp 50% giá trị xây lắp (riêng hộ nghèo đóng góp 20%).

+ Đối với đơn vị kinh doanh đóng góp 100% giá trị xây lắp.

+ Đối với các vỉa hè có chiều rộng từ 10m trở lên ngân sách Thành phố đảm nhận thanh toán từ bó vỉa vào 5m, phần còn lại tính theo tỷ lệ quy định trên.

1.3. Hội quán cải tạo, sửa chữa, nâng cấp: Tổng mức đầu tư để tính hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/nhà. Mức hỗ trợ 60% giá trị quyết toán công trình hoàn thành. Phần còn lại Ngân sách các phường xã và huy động nhân dân đóng góp theo quy chế dân chủ ở cơ sở.

*2. Chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức trực tiếp làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa” của UBND thành phố:*

2.1. Mức phụ cấp: 500.000 đồng/người/tháng. Mức phụ cấp này không dùng để tính hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2.2. Trang bị đồng phục công sở cho cán bộ công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Năm đầu tiên được cấp 02 bộ xuân hè và 01 bộ thu đông, năm thứ hai trở đi được cấp 01 bộ xuân hè và 01 bộ thu đông.

*3. Phụ cấp cho lực lượng bảo vệ dân phố.*

Mức phụ cấp hàng tháng cho các thành viên, tính theo hệ số nhân với mức lương tối thiểu chung hiện hành:

- Trưởng Ban bảo vệ dân phố: hệ số 0,35;
- Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố: hệ số 0,3;
- Ủy viên kiêm Tổ trưởng: hệ số 0,3;
- Tổ viên: hệ số 0,25.

*4. Hỗ trợ phát triển sản xuất.*

4.1. Hỗ trợ sản xuất hoa lyly tại các hộ gia đình:

Hộ gia đình trồng tập trung 2.000 cây hoa ly ly trở lên được hỗ trợ 50% giá giống, mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/hộ trong năm đầu; và hỗ trợ 25% giá giống cho 02 năm tiếp theo.

4.2. Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản:

- Hộ gia đình nuôi tôm thẻ chân trắng theo hình thức bán thâm canh, có quy mô diện tích tập trung 1ha trở lên (diện tích tối thiểu mỗi ao 0,5ha), mật độ thả nuôi 30 đến 60 con/m<sup>2</sup> được hỗ trợ 01 lần 50% giá giống trong năm đầu sản xuất đối với nuôi thủy sản vụ Xuân Hè, mức hỗ trợ tối đa 35 triệu đồng/hộ;

- Hộ nuôi cá chêm trong ao đất với hình thức bán thâm canh, mật độ nuôi 0,8con đến 01 con/m<sup>2</sup>; diện tích nuôi tập trung 0,5ha trở lên được hỗ trợ 30% giá giống, mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/hộ; chỉ hỗ trợ 01 lần.



4.3. Hỗ trợ các hộ chăn nuôi đầu tư xây dựng bể Biogas đạt tiêu chuẩn sử dụng tốt, đảm bảo vệ sinh môi trường, với mức 3,0 triệu đồng/bể (chỉ hỗ trợ 01 lần/hộ).

4.4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng, san lấp mặt bằng với mức tối đa không quá 50 triệu đồng/hộ đối với các hộ chăn nuôi có quy mô từ 2.000 con gà đẻ trở lên, tách khỏi khu dân cư (hỗ trợ 01 lần/hộ).

5. Chính sách thực hiện Đề án "Một số giải pháp giảm nghèo, góp phần bảo đảm an sinh xã hội":

5.1. Hỗ trợ làm nhà ở: Đối tượng là hộ nghèo, hộ chính sách thương, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ đặc biệt khó khăn về nhà ở. Mức hỗ trợ 25 triệu đồng/nhà.

5.2. Hỗ trợ cho đối tượng là người già cô đơn không nơi nương tựa và trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ. Mức hỗ trợ: 220.000 đồng/người/tháng.

5.3. Hỗ trợ mua thẻ Bảo hiểm y tế: Hỗ trợ 20% kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho tất cả các đối tượng thuộc hộ cận nghèo chưa có thẻ Bảo hiểm y tế.

**Điều 4.** Thời gian thực hiện 02 (hai) năm: 2014-2015.

Giao phòng Tài chính-Kế hoạch chủ trì phối hợp với phòng Quản lý đô thị, Kinh tế, Văn phòng HĐND-UBND và các phòng liên quan tham mưu UBND thành phố văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung tại Điều 2, Điều 3 của Quyết định này.

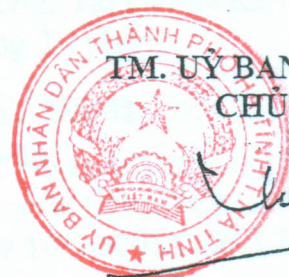
UBND các phường xã và các phòng ban, đơn vị liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 14/02/2011; Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 06/02/2012; Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 về bổ sung, thay thế một số nội dung của Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 06/02/2012; Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 08/02/2013 của UBND thành phố; Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng đường giao thông để đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại xã Thạch Hạ và Quyết định 1352/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 của UBND thành phố về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng đường giao thông để đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại xã Thạch Bình.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND thành phố; Chủ tịch UBND các phường, xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- Sở Tư pháp;
- TT Thành ủy; TT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND Thành phố;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND TP;
- UBNDTTQ và đoàn thể TP;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBNDTTQ các phường, xã;
- Lưu VT- UBND.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thế Dũng**